TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
TP. CẦN THƠ
* * *

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12.11.2018
V/v tranh chấp: "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT - TP CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trung Hiếu**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hữu Đức**
2. Bà **Võ Thị Ánh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đinh Tuấn Anh** [1] là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ.

¢ Đại diện Viên kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt – thành phố Cần Thơ: Bà **Trần Thị Kiều Oanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân quận Thốt Nốt - thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bích P –** sinh năm: 1978 *(có mặt)*

Địa chỉ: khu vực A, phường B, quận C, Tp. Cần Thơ.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Đ** - sinh năm: 1974 *(xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: khu vực D, phường E, quận C, Tp. Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16.7.2018 và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích P trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Trước đây, bà P và ông Đ do được M mối và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thuận Hưng ngày 07.3.2009. Vợ chồng chung sống đến tháng 5.2018 thì ly thân cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ thường xuyên ăn nhậu say xỉn, không biết lo làm ăn chăm lo cho gia đình, nhiều lần bà P khuyên ngăn nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Nay nhận thấy vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn tình cảm nên bà P xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Kim C – sinh ngày 09.12.1996 và Nguyễn Xuân M – sinh ngày 27.10.2006, cả 02 cháu do bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, đối với cháu Kim C đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Xuân M, bà P yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 10.9.2018 và biên bản lấy lời khai ngày 23.10.2018, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: ông Đ thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà P. Về nguyên nhân mâu thuẫn, ông Đ cho rằng giữa vợ chồng bất đồng quan điểm, có xảy ra cự cãi và bà P tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Nay ông Đ còn thương vợ con, mong muốn được đoàn tụ nhưng do bà P quá kiên quyết xin ly hôn nên ông Đ cũng đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Đ thống nhất xác định có 02 con chung như bà P trình bày, khi ly hôn ông Đ đồng ý giao cháu Xuân M cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Kim C đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Do ông Đ vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập để hòa giải và có yêu cầu hòa giải, xét xử vắng mặt cho nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc vụ án không hòa giải được và đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn bà P vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã trình bày. Bị đơn ông Đ vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên toà của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà P được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Xuân M cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét việc bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích P và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử xét thấy qua kết quả xác minh thực tế tại địa phương cho biết ông Đ có thường xuyên ăn nhậu say xỉn, đối với ông Đ cho rằng còn thương vợ con và mong muốn đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng ly thân ông không biết khắc phục sửa đổi khuyết điểm, từ bỏ rượu chè dẫn đến việc bà P nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để xin ly hôn. Quá trình Tòa án triệu tập để hòa giải, ông Đ không có mặt tham dự và khi Tòa án đến nhà ghi nhận ý kiến ông Đ cũng đồng ý ly hôn với bà P. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng là trầm trọng nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân thì cũng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà P được ly hôn với ông Đ là phù hợp.

[4] Về con chung: Giữa bà P và ông Đ thống nhất xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim C – sinh ngày 09.12.1996 và Nguyễn Xuân M – sinh ngày 27.10.2006, cả 02 cháu do bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, đối với cháu Kim C đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với cháu Xuân M đang sống chung với bà P và có nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn cháu muốn tiếp tục sống với mẹ, do đó nghĩ nên chấp nhận giao cháu Xuân M cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do bà P xác định có đủ khả năng để nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng không xét đến.

[5] Về tài sản chung: Bà P và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà P và ông Đ xác định không có.

[6] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà P phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 147, 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Bích P được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Kim C – sinh ngày 09.12.1996 và Nguyễn Xuân M – sinh ngày 27.10.2006, do bà P đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, đối với cháu Kim C đã đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động nên không đặt vấn đề giải quyết. Đối với cháu Xuân M, tiếp tục giao cho bà P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đ, không ai được quyền ngăn cản. Bà P và ông Đ có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bích P phải nộp số tiền 300.000đồng *(Ba trăm ngàn đồng)*, được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004213 ngày 07.8.2018 (công nhận đã nộp xong).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường Thuận Hưng;
- VKSND Q. Thốt Nốt;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

NGUYỄN TRUNG HIẾU